TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 290/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Mai Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Võ Thị Thanh Thu

2/ Bà Huỳnh Thị Khả Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 298/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 377/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ P, sinh năm 1991 (có mặt)

CCCD số: 079191006818

Địa chỉ: 114/2 (Ấp 5, xã X, huyện H cũ), ấp 35, xã B, Tp.HCM.

Bị đơn: Ông Dương Cẩm T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

CCCD số: 079085033961

Địa chỉ: 114/2 (Ấp 5, xã X, huyện H cũ), ấp 35, xã B, Tp.HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ P trình bày:

Bà Huỳnh Thị Mỹ P và ông Dương Cẩm T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2010 tại UBND xã X, huyện H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà chồng, địa chỉ 114/2 Ấp 5, xã X, huyện H, Tp.HCM. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc. Vào đầu năm 2020, giữa vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau; chồng hay say xỉn vào chửi bới, cải vã với bà, bà đã góp ý nhiều lần nhưng ông T không thay

đổi. Hai vợ chồng sống mỗi người một nơi từ cuối năm 2020. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông Dương Cẩm T.

- Về con chung: có 01 con chung: Dương Quốc V, sinh ngày 18/8/2010. Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu ông T trực tiếp nuôi dưỡng nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Theo bản tự khai ngày 11/4/2025: Bị đơn ông Dương Cẩm T trình bày:

Ông Dương Cẩm T và bà Huỳnh Thị Mỹ P tự nguyện chung sống với năm 2010 và có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2010 tại UBND xã X, huyện H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà chồng, địa chỉ 114/2 Ấp 5, xã X, huyện H, Tp.HCM. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc. Vào đầu năm 2020, giữa vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay ông cũng không còn tình cảm với bà P nữa, ông đồng ý ly hôn với bà P.

- Về con chung: có 01 con chung: Dương Quốc V, sinh ngày 18/8/2010. Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn cư trú xã B, Tp.HCM nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ P và ông Dương Cẩm T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Trích lục kết hôn số 93/TLKH-BS ngày 03/3/2025 do UBND xã X, huyện H, Tp.HCM cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình Tòa

án giải quyết vụ án, bà P và ông T đều trình bày cuộc sống gia đình ban đầu hạnh phúc nhưng về sau, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; mỗi người một cuộc sống riêng, không còn chung sống với nhau nữa trong thời gian dài. Ông T đồng ý với yêu cầu ly hôn với bà P. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của bà P và ông T đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy yêu cầu ly hôn của bà P là cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà P và ông T tự khai có 01 con chung: Dương Quốc V, sinh ngày 18/8/2010. Bà P yêu cầu ông T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ V và không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận định: yêu cầu của bà P phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp ý kiến của ông T và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của bà P cho đến khi có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Bà P và ông T tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà P và ông T tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà P phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Thị Mỹ P được ly hôn với ông Dương Cẩm T.

2. Về con chung: Bà P và ông T tự khai có 01 con chung tên Dương Quốc V, sinh ngày 18/8/2010. Giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục trẻ Toàn, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của bà P cho đến khi có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà người trực tiếp nuôi dưỡng cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Ngược lại, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có lý do chính đáng, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà P và ông T tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà P và ông T tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Mỹ P phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà Huỳnh Thị Mỹ P đã nộp theo biên lai số 0083072 ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND KV8-TP.HCM;
- Phòng THADS KV8-TP.HCM;
- UBND xã X, huyện H, Tp.HCM (Theo Trích lục kết hôn số 93/TLKH-BS ngày 03/3/2025 do UBND xã X, huyện H, Tp.HCM cấp);
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quỳnh Mai Trinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**